

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 11-11-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Nhưường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Mạc Vương Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1980; trú tại Số 1, ngõ G, khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, ngõ G, khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-9-2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01-02-2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên vợ chồng nhiều lần xảy ra

cãi vã, xích mích, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 02-2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005 và Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016. Nguyên vọng của anh là muốn nuôi dưỡng cháu Trần Tiến D, để cháu Trần Thị Kim Ng cho chị N nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày tại Biên bản lấy lời khai:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T kết hôn vào năm 2005, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01-02-2005. Vợ chồng chung sống cùng nhau tại phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn được ba năm thì chuyển vào sinh sống, làm việc tại miền Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình, vợ con, chỉ nghe lời mẹ đẻ. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005 và Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ng và nhất trí để anh T nuôi dưỡng cháu D. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Cháu Trần Tiến D trình bày tại Bản tự khai:* Cháu biết bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn, cháu không có ý kiến gì và đề nghị gì. Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là sống cùng bố là Trần Thanh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều

35; Điều 39; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T, cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005. Giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Thanh T có đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N. Bị đơn chị Nguyễn Thị N đang cư trú tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Thanh T, chị Nguyễn Thị N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01 tháng 02 năm 2005. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên

xảy ra cãi vã, xích mích. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị N là có thật. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Trần Thanh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Tòa án hoà giải nhưng anh T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N. Bị đơn chị Nguyễn Thị N cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị N đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005 và Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016. Hiện nay, cháu D đang sống cùng anh T, cháu Ng đang sống cùng chị N. Quá trình hoà giải, cả anh T và chị N đều thống nhất nếu vợ chồng ly hôn thì anh T nuôi dưỡng cháu D, chị N nuôi dưỡng cháu Ng. Hơn nữa, cháu Trần Tiến D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh T. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005 cho anh Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

**2. Về con chung:**

- Giao con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 21-5-2005 cho anh Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao con chung là Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 15-8-2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**3. Về án phí:** Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010990 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Trần Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đức Như**